

Số: 3229/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính
của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2198/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Bộ giai đoạn 2012 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây viết tắt là Chỉ số CCHC), cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA BỘ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Xác định Chỉ số CCHC để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan, công bằng kết quả thực hiện CCHC hàng năm của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC của Bộ, của đơn vị.

b) Mục tiêu cụ thể

- Xác định được các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ phù hợp với đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của đơn vị.

- Xác định được thang điểm, phương pháp đánh giá cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần, từ đó xác định được Chỉ số CCHC của từng tổng cục, cục trực thuộc Bộ.

- Hàng năm công bố Chỉ số CCHC của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ.

1.2. Yêu cầu

- Chỉ số CCHC phải bám sát nội dung Chương trình tổng thể CCHC của Bộ giai đoạn 2012 - 2020; Kế hoạch CCHC của Bộ giai đoạn 2016 - 2020.

- Bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ và đánh giá thực chất, khách quan kết quả thực hiện CCHC theo chu kỳ năm ở các đơn vị này.

- Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất.

1.3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: công tác theo dõi, đánh giá kết quả triển khai thực hiện CCHC hàng năm của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ.

- Đối tượng áp dụng: các tổng cục, cục trực thuộc Bộ.

II. NỘI DUNG CỦA BỘ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

2.1. Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần

Bộ Chỉ số CCHC của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ được cấu trúc thành 2 nhóm:

a) Nhóm I: Đánh giá kết quả thực hiện CCHC của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ, gồm 7 lĩnh vực, 36 tiêu chí và 69 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 6 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị: 4 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thủ tục hành chính: 7 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 3 tiêu chí và 2 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức: 7 tiêu chí và 17 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tài chính công: 3 tiêu chí và 2 tiêu chí thành phần;
- Hiện đại hoá hành chính: 4 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần;
- Các tiêu chí điểm thưởng: 2 tiêu chí và 2 tiêu chí thành phần.

b) Nhóm II: Đánh giá tác động của CCHC, gồm 18 tiêu chí, được phân loại theo 4 nội dung tác động của CCHC, cụ thể là:

- Tác động đến công tác chỉ đạo, điều hành: 7 tiêu chí;
- Tác động đến chất lượng quy định thủ tục hành chính: 3 tiêu chí;
- Tác động đến chất lượng đội ngũ công chức: 4 tiêu chí;
- Tác động đến hiện đại hóa hành chính: 4 tiêu chí.

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC được quy định cụ thể tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2.2. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá của Chỉ số CCHC là 100, gồm:

- Điểm đánh giá kết quả thực hiện CCHC của đơn vị là: 85/100;
- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là: 15/100.

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2.3. Phương pháp đánh giá

- Tự đánh giá của đơn vị:

+ Các tổng cục, cục tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của đơn vị và các tổ chức trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC và hướng dẫn của Bộ. Điểm các đơn vị tự đánh giá được thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Phụ lục.

+ Điểm tự đánh giá của các đơn vị sẽ được Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC hàng năm của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ (Hội đồng thẩm định) xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh. Kết quả điểm do Hội đồng thẩm định quyết định được thể hiện tại cột “Bộ đánh giá” của Phụ lục.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học:

+ Các tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Ghi chú” và có dòng chữ “Điều tra xã hội học” của Phụ lục. Việc điều tra xã hội học được tiến hành thông qua lấy phiếu khảo sát ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau trong Bộ Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh thành phố, trực thuộc Trung ương.

+ Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Điều tra XHH” của Phụ lục.

Tổng hợp điểm qua điều tra xã hội học và điểm Hội đồng thẩm định quyết định được thể hiện tại cột “Điểm đạt được” của Phụ lục. Chỉ số CCHC của đơn vị được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa (100 điểm).

III. GIẢI PHÁP

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thủ trưởng các đơn vị cần chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung sau:

3.1. Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả chỉ đạo, điều hành của các đơn vị đối với việc xác định Chỉ số CCHC

- Chỉ đạo việc thực hiện các nội dung CCHC một cách nghiêm túc, có hiệu quả theo kế hoạch CCHC hàng năm.

- Chỉ đạo việc thực hiện công tác theo dõi, đánh giá CCHC một cách thường xuyên, liên tục, bảo đảm trung thực, khách quan, minh bạch trong việc tổng hợp, thống kê, đánh giá, báo cáo các kết quả CCHC.

3.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về Chỉ số CCHC

Việc tuyên truyền, phổ biến mục tiêu, nội dung của Chỉ số CCHC nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và tăng cường sự tham gia, phối hợp của các tổ chức và cá nhân trong quá trình theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện CCHC hàng năm của các đơn vị. Các hình thức tuyên truyền là:

- Tổ chức hội nghị tuyên truyền, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về mục tiêu, ý nghĩa, nội dung và trách nhiệm triển khai Chỉ số CCHC.

- Tuyên truyền trên cổng thông tin điện tử, báo, tạp chí để nâng cao nhận thức cho người dân và xã hội về mục tiêu, ý nghĩa của Chỉ số CCHC.

- Các hình thức tuyên truyền khác: tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về CCHC; thông qua hội thảo; hội nghị công bố Chỉ số CCHC hàng năm...

3.3. Bố trí công chức thực hiện thường xuyên công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính tại các đơn vị

Các đơn vị phân công nhiệm vụ cho công chức chuyên trách CCHC thực hiện công tác theo dõi, đánh giá CCHC của đơn vị; bố trí công chức theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC đối với các lĩnh vực cụ thể theo chức năng của đơn vị mình.

3.4. Bảo đảm cơ sở vật chất, tài chính

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhất là công nghệ thông tin trong triển khai xác định Chỉ số CCHC để bảo đảm tính hệ thống trong công tác theo dõi, đánh giá của đơn vị.

- Xây dựng phần mềm, cơ sở dữ liệu của Chỉ số CCHC.

- Bố trí đủ kinh phí cho việc thực hiện xác định Chỉ số CCHC.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Trách nhiệm thực hiện

a) Vụ Tổ chức cán bộ:

- Xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành văn bản hướng dẫn các tổng cục, cục triển khai áp dụng Chỉ số CCHC.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch kèm theo dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện sau khi kế hoạch được phê duyệt.

- Tập huấn, bồi dưỡng cho công chức chuyên trách CCHC của các tổng cục, cục về công tác theo dõi, đánh giá và xác định Chỉ số CCHC.

- Theo dõi, đôn đốc các tổng cục, cục triển khai thực hiện kế hoạch xác định Chỉ số CCHC.

- Xác định nhóm đối tượng, quy mô mẫu phiếu, câu hỏi điều tra; chủ trì tổ chức lấy phiếu điều tra xã hội học.

- Tổng hợp, xử lý số liệu thu thập được để xác định Chỉ số CCHC và xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả Chỉ số CCHC.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thông báo kết quả Chỉ số CCHC hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát nội dung Chỉ số CCHC để trình Bộ trưởng quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của Bộ.

b) Vụ Kế hoạch - Tài chính: phân bổ kinh phí và phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ lập dự toán kinh phí để thực hiện xác định Chỉ số CCHC, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ, gửi Bộ Tài chính theo quy định.

c) Vụ Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền về Chỉ số CCHC theo kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm.

- Căn cứ kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC hàng năm của các đơn vị, tổng hợp chung vào kết quả thi đua của các đơn vị để báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng của Bộ; không xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các đơn vị, cá nhân thực hiện chưa tốt nhiệm vụ CCHC.

d) Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường:

- Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ trong việc xử lý, phân tích, tổng hợp kết quả của phiếu khảo sát ý kiến đánh giá kết quả CCHC.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu Chỉ số CCHC hàng năm của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ; phần mềm điều tra, khảo sát ý kiến đánh giá kết quả CCHC.

đ) Các Vụ: Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch - Tài chính; Pháp chế; Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền; Văn phòng Bộ; Thanh tra Bộ; Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường:

- Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ trong việc thẩm định điểm tự chấm của các đơn vị đối với các lĩnh vực được giao phụ trách, theo dõi và gửi kết quả thẩm định về Vụ Tổ chức cán bộ để tổng hợp, báo cáo Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC hàng năm của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ.

- Cử cán bộ tham gia các cuộc họp Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC hàng năm của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ và Tổ công tác xác định Chỉ số CCHC hàng năm của Bộ đầy đủ, đúng thành phần quy định.

e) Các tổng cục, cục trực thuộc Bộ:

- Triển khai áp dụng Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của đơn vị theo hướng dẫn của Vụ Tổ chức cán bộ.

- Tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo kết quả áp dụng Chỉ số CCHC của đơn vị theo hướng dẫn của Vụ Tổ chức cán bộ.

- Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ trong việc tổ chức lấy phiếu điều tra để xác định Chỉ số CCHC của đơn vị.

4.2. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí triển khai áp dụng Chỉ số CCHC được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

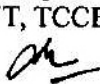
b) Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai áp dụng Chỉ số CCHC hàng năm thực hiện theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2314/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Tổ chức cán bộ; Pháp chế; Kế hoạch - Tài chính; Khoa học và Công nghệ; Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền; Chánh Thanh tra Bộ; Tổng cục trưởng các tổng cục trực thuộc Bộ; Cục trưởng các cục trực thuộc Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các Thứ trưởng;
- Vụ CCHC, Bộ Nội vụ;
- Công thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, TCCB.HD10.



BỘ TRƯỞNG



Trần Hồng Hà

Phụ lục

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC TỔNG CỤC, CỤC TRỰC THUỘC BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3229/QĐ-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá					Ghi chú
			Tự đánh giá	Bộ đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	Chỉ số	
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC	85						
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	13						
1.1	Kế hoạch CCHC năm	4						
1.1.1	Thời gian ban hành Kế hoạch CCHC (trong 1 tháng kể từ ngày Kế hoạch CCHC của Bộ được ban hành) <i>Ban hành kịp thời: 2</i> <i>Ban hành không kịp thời: 0</i>	2						
1.1.2	Chất lượng Kế hoạch CCHC (bảo đảm đủ nội dung, đơn vị thực hiện, thời gian thực hiện theo kế hoạch CCHC của Bộ) <i>Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ: 1</i> <i>Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ: 0</i>	1						
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC <i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i> <i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i> <i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25</i> <i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>	1						
1.2	Thực hiện công tác báo cáo CCHC định kỳ <i>Có 4 báo cáo đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời gian theo hướng dẫn: 2</i> <i>Có 3 báo cáo đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời gian theo hướng dẫn: 1</i> <i>Có dưới 3 báo cáo đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời gian theo hướng dẫn: 0</i>	2						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá					Ghi chú
			Tự đánh giá	Bộ đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	Chỉ số	
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2						
1.3.1	Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC các cơ quan, đơn vị trực thuộc đơn vị <i>Có kế hoạch kiểm tra: 1</i> <i>Không có kế hoạch kiểm tra: 0</i>	1						
1.3.2	Tổ chức kiểm tra công tác CCHC các cơ quan, đơn vị trực thuộc đơn vị <i>Có thực hiện kiểm tra: 1</i> <i>Không thực hiện kiểm tra: 0</i>	1						
1.4	Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC	2						
1.4.1	Thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch thông tin, tuyên truyền CCHC của Bộ <i>Có thực hiện đầy đủ: 1</i> <i>Thực hiện không đầy đủ hoặc không thực hiện: 0</i>	1						
1.4.2	Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền CCHC của đơn vị <i>Có tổ chức: 1</i> <i>Không tổ chức: 0</i>	1						
1.5	Sự phối hợp trong công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	1						
1.5.1	Tham gia các cuộc họp, hội nghị, hội thảo... theo yêu cầu của Bộ <i>Tham gia đầy đủ, đúng thành phần: 0,5</i> <i>Không tham gia đầy đủ hoặc không đúng thành phần: 0</i>	0,5						
1.5.2	Sự tham gia của tổ chức Đảng, đoàn thể về CCHC <i>Có sự tham gia của tổ chức Đảng và đoàn thể: 0,5</i> <i>Chỉ có sự tham gia của tổ chức Đảng hoặc đoàn thể: 0</i>	0,5						
1.6	Xây dựng các quy chế của đơn vị	2						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá					Ghi chú
			Tự đánh giá	Bộ đánh giá	Điều tra XXX	Điểm đạt được	Chỉ số	
1.6.1	Ban hành đầy đủ các quy chế của đơn vị theo quy định <i>Đầy đủ: 0,5</i> <i>Không đầy đủ: 0</i>	0,5						
1.6.2	Nội dung các quy chế của đơn vị <i>Đầy đủ, đúng quy định: 0,5</i> <i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>	0,5						
1.6.3	Lồng ghép nội dung về CCHC vào nội dung các quy chế của đơn vị <i>Có lồng ghép: 0,5</i> <i>Không lồng ghép: 0</i>	0,5						
1.6.4	Thực hiện báo cáo về tình hình thực hiện các quy chế theo yêu cầu <i>Báo cáo đầy đủ nội dung và thời gian yêu cầu: 0,5</i> <i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian yêu cầu: 0</i>	0,5						
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THỂ CHẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ	14						
2.1	Thực hiện nhiệm vụ được giao theo Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của Bộ	6						
2.1.1	Đề xuất xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) <i>Văn bản đề xuất xây dựng VBQPPL của đơn vị gửi đúng thời gian quy định: 1</i> <i>Không gửi văn bản đề xuất hoặc gửi không đúng với thời gian quy định: 0</i>	1						
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL <i>Thực hiện đúng quy trình theo quy định: 1</i> <i>Thực hiện không đúng quy trình theo quy định: 0</i>	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá					Ghi chú
			Tự đánh giá	Bộ đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	Chỉ số	
2.1.3	Thực hiện chế độ báo cáo trong công tác xây dựng VBQPPL <i>Đáp ứng yêu cầu về số lượng và thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 1</i> <i>Không đáp ứng yêu cầu về số lượng hoặc thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 0</i>	1						
2.1.4	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao theo Chương trình VBQPPL của Bộ <i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 3</i> <i>Hoàn thành từ 90% - dưới 100% kế hoạch: 2</i> <i>Hoàn thành từ 70% - dưới 90% kế hoạch: 1</i> <i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>	3						
2.2	Rà soát, hệ thống hóa, kiểm tra VBQPPL	4						
2.2.1	Tổ chức triển khai thực hiện rà soát, hệ thống hóa, định kỳ 5 năm, kiểm tra VBQPPL <i>Có tổ chức thực hiện: 1</i> <i>Không tổ chức thực hiện: 0</i>	1						
2.2.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL <i>100% số văn bản trong giai đoạn rà soát được rà soát: 1</i> <i>Từ 50% - dưới 100% số văn bản trong giai đoạn rà soát được rà soát: 0,5</i> <i>Dưới 50% số văn bản trong giai đoạn rà soát được rà soát: 0</i>	1						
2.2.3	Xử lý kết quả kiểm tra VBQPPL <i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i> <i>Từ 50% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i> <i>Dưới 50% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá					Ghi chú
			Tự đánh giá	Bộ đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	Chỉ số	
2.2.4	Báo cáo công tác rà soát, hệ thống hóa, kiểm tra VBQPPL <i>Báo cáo đúng quy định: 1</i> <i>Báo cáo không đúng quy định: 0,5</i> <i>Không có báo cáo: 0</i>	1						
2.3	Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ	2						
2.3.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền <i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i> <i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i> <i>Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0</i>	1						
2.3.2	Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, báo cáo kiểm tra <i>Đúng quy định: 1</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	1						
2.4	Theo dõi thi hành pháp luật	2						
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật <i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1</i> <i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>	1						
2.4.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền <i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i> <i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i> <i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i> <i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá					Ghi chú
			Tự đánh giá	Bộ đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	Chỉ số	
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	16						
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	3						
3.1.1	Tỷ lệ TTHC do đơn vị tham mưu xây dựng, trình ban hành được đánh giá tác động <i>100% số TTHC: 1</i> <i>Dưới 100% số TTHC: 0</i>	1						
3.1.2	Tỷ lệ dự thảo VBQPPL có quy định TTHC được gửi cơ quan kiểm soát TTHC để lấy ý kiến trước khi gửi thẩm định dự thảo VBQPPL <i>100% dự thảo VBQPPL có TTHC được gửi lấy ý kiến: 2</i> <i>Dưới 100% dự thảo VBQPPL có TTHC không gửi lấy ý kiến: 0</i>	2						
3.2	Xây dựng dự thảo Quyết định công bố TTHC theo quy định <i>Xây dựng đầy đủ, kịp thời theo quy định: 2</i> <i>Xây dựng không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0</i>	2						
3.3	Công khai TTHC	1						
3.3.1	Niên yết công khai TTHC tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC hoặc tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận TTHC <i>Đầy đủ, đúng quy định: 0,5</i> <i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>	0,5						
3.3.2	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của đơn vị <i>100% số TTHC: 0,5</i> <i>Dưới 100% số TTHC: 0</i>	0,5						
3.4	Rà soát, đánh giá TTHC	3						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá					Ghi chú
			Tự đánh giá	Bộ đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	Chỉ số	
3.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC <i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i> <i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i> <i>Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0</i>	1						
3.4.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát <i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 2</i> <i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>	2						
3.5	Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định <i>100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 2</i> <i>Dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0</i>	2						
3.6	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được công khai trên Trang tin điện tử của đơn vị <i>100% số hồ sơ TTHC đã được giải quyết được đăng tải công khai: 2</i> <i>Dưới 100% số hồ sơ TTHC không được giải quyết được đăng tải công khai: 0</i>	2						
3.7	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính	2						
3.7.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức <i>Thực hiện đúng quy định: 1</i> <i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>	1						
3.7.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức <i>100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đúng quy định: 1</i> <i>Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đúng quy định: 0,5</i> <i>Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đúng quy định: 0</i>	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá					Ghi chú
			Tự đánh giá	Bộ đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	Chỉ số	
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	8						
4.1	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị <i>Thực hiện đầy đủ đúng theo quy định: 2</i> <i>Không thực hiện đầy đủ đúng theo quy định: 0</i>	2						
4.2	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ, Bộ ban hành <i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 2</i> <i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>	2						
4.3	Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức	4						
4.3.1	Hoàn thiện bản mô tả và khung năng lực các vị trí việc làm trong các đơn vị hành chính trực thuộc <i>Đầy đủ và đúng quy định: 2</i> <i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>	2						
4.3.2	Triển khai để án vị trí việc làm <i>Có triển khai: 2</i> <i>Không triển khai: 0</i>	2						
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	14						
5.1	Xây dựng kế hoạch biên chế hàng năm <i>Kế hoạch đầy đủ nội dung và đúng thời gian theo quy định: 2</i> <i>Kế hoạch không đầy đủ nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>	2						
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	3						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá					Ghi chú
			Tự đánh giá	Bộ đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	Chỉ số	
5.2.1	Xây dựng kế hoạch về tuyển dụng công chức tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc đơn vị <i>Thực hiện đúng quy định: 0,5</i> <i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>	0,5						
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại đơn vị <i>Đúng quy định hoặc không thực hiện tuyển dụng công chức: 0,5</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	0,5						
5.2.3	Xây dựng kế hoạch về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc đơn vị <i>Có xây dựng: 0,5</i> <i>Có nhu cầu tuyển dụng nhưng không xây dựng: 0</i>	0,5						
5.2.4	Thực hiện quy định về tuyển dụng, tiếp nhận, bố trí viên chức tại các đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị <i>Đúng quy định: 0,5</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	0,5						
5.2.5	Báo cáo, thống kê số lượng, chất lượng đội ngũ công chức và danh sách tiền lương <i>Đúng quy định: 1</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	1						
5.3	Trách nhiệm của đơn vị trong tổ chức thi thăng hạng viên chức	2						
5.3.1	Thực hiện quy định về thống kê số lượng viên chức hiện có và đề nghị số lượng chỉ tiêu thi thăng hạng viên chức của tất cả các chuyên ngành hiện có của đơn vị <i>Đúng quy định: 1</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	1						
5.3.2	Thực hiện tổ chức thi thăng hạng viên chức theo thẩm quyền <i>Có tổ chức và đúng quy định: 1</i> <i>Có tổ chức nhưng không đúng quy định hoặc không tổ chức: 0</i>	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá					Ghi chú
			Tự đánh giá	Bộ đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	Chi số	
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động cán bộ	2						
5.4.1	Thực hiện quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức lãnh đạo, viên chức quản lý thuộc đơn vị - 100% công chức lãnh đạo, viên chức quản lý được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo đúng quy định: 1 - 100% công chức, viên chức được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đúng trình tự, thủ tục, hồ sơ nhưng có trường hợp không thực hiện đúng yêu cầu về thời gian thực hiện quy trình bổ nhiệm lại mà không có lý do chính đáng: 0,5 - Có trường hợp công chức lãnh đạo, viên chức quản lý được bổ nhiệm không đúng quy định hoặc để xảy ra kiện cáo kéo dài liên quan đến công tác bổ nhiệm cán bộ, gây mất đoàn kết nội bộ tại đơn vị: 0	1						
5.4.2	Thực hiện quy định về luân chuyển, bố trí cán bộ thuộc đơn vị - Có xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch luân chuyển, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017 - 2021 và Kế hoạch hằng năm theo đúng chủ trương của Ban cán sự đảng Bộ: 1 - Có xây dựng Kế hoạch luân chuyển, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017 - 2021 và Kế hoạch hằng năm theo đúng chủ trương của Ban cán sự đảng Bộ nhưng không triển khai thực hiện mà không có lý do chính đáng: 0,5 - Không xây dựng Kế hoạch luân chuyển, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017 - 2021 và Kế hoạch hằng năm theo đúng chủ trương của Ban cán sự đảng Bộ mà không có văn bản giải trình, báo cáo Bộ: 0	1						
5.5	Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	2						
5.5.1	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức Ban hành kịp thời: 0,5 Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời: 0	0,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá					Ghi chú
			Tự đánh giá	Bộ đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	Chỉ số	
5.5.2	Thực hiện báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức <i>Đúng quy định: 0,5</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	0,5						
5.5.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức <i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i> <i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i> <i>Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0</i>	1						
5.6	Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1						
5.6.1	Thực hiện quy định đánh giá công chức, viên chức của đơn vị <i>Đúng quy định và báo cáo đúng thời hạn: 0,5</i> <i>Không đúng quy định hoặc báo cáo không đúng thời hạn: 0</i>	0,5						
5.6.2	Báo cáo số lượng, chất lượng công chức, viên chức định kỳ và đột xuất <i>Thực hiện đúng quy định và đúng thời hạn: 0,5</i> <i>Thực hiện không đúng quy định hoặc không đúng thời hạn: 0</i>	0,5						
5.7	Thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế	2						
5.7.1	Xây dựng Đề án tinh giản biên chế 7 năm của đơn vị <i>Đúng quy định: 1</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	1						
5.7.2	Đề án Điều chỉnh đề án tinh giản biên chế 7 năm (nếu có) <i>Đúng quy định: 0,5</i> <i>Không đúng quy định hoặc không có: 0</i>	0,5						
5.7.3	Thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế đúng theo Đề án tinh giản biên chế 7 năm đã được phê duyệt <i>Đúng quy định: 0,5</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	0,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá					Ghi chú
			Tự đánh giá	Bộ đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	Chỉ số	
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	5						
6.1	Thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo quy định	3						
6.1.1	Số lượng và chất lượng của báo cáo <i>Báo cáo đầy đủ số lượng và nội dung theo quy định: 1</i> <i>Báo cáo không đủ số lượng hoặc không đủ nội dung theo quy định: 0</i>	1						
6.1.2	Thời gian báo cáo <i>100% các báo cáo đúng thời gian quy định: 2</i> <i>Từ 80% - dưới 100% báo cáo đúng thời gian quy định: 1</i> <i>Dưới 80% các báo cáo đúng thời gian quy định: 0</i>	2						
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc đơn vị <i>100% số đơn vị: 1</i> <i>Dưới 100% số đơn vị: 0</i>	1						
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính <i>Đúng quy định: 1</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	1						
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	15						
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của đơn vị	6						
7.1.1	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao theo kế hoạch ứng dụng CNTT của Bộ <i>Hoàn thành 100% nhiệm vụ: 1</i> <i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% nhiệm vụ: 0,5</i> <i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% nhiệm vụ: 0,25</i> <i>Hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ: 0</i>	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá					Ghi chú
			Tự đánh giá	Bộ đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	Chỉ số	
7.1.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc dưới dạng điện tử <i>Từ 90% số văn bản trở lên: 2</i> <i>Từ 70% - dưới 90% số văn bản: 1</i> <i>Từ 50% - dưới 70% số văn bản: 0,5</i> <i>Dưới 50% số văn bản: 0</i>	2						
7.1.3	Tỷ lệ Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc đơn vị sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc trong xử lý công việc <i>100% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 1</i> <i>Từ 85% - dưới 100% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 0,5</i> <i>Dưới 85% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 0</i>	1						
7.1.4	Tỷ lệ Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc đơn vị sử dụng chữ ký số trong xử lý công việc <i>100% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 1</i> <i>Từ 85% - dưới 100% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 0,5</i> <i>Dưới 85% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 0</i>	1						
7.1.5	Triển khai thực hiện Hệ thống thông tin công chức, viên chức Bộ Tài nguyên và Môi trường <i>Thực hiện đúng quy định: 1</i> <i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>	1						
7.2	Tính năng hoạt động và việc cung cấp thông tin của Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị	2						
7.2.1	Tính năng hoạt động của Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị <i>Đầy đủ các tính năng theo quy định và hoạt động ổn định: 1</i> <i>Chưa đầy đủ các tính năng theo quy định hoặc hoạt động không ổn định, thường xuyên: 0</i>	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá					Ghi chú
			Tự đánh giá	Bộ đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	Chỉ số	
7.2.2	Việc cung cấp thông tin của Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị <i>Cung cấp, cập nhật 100% thông tin về quản lý nhà nước của ngành và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định: 1</i> <i>Cung cấp, cập nhật từ 90% trở lên thông tin về quản lý nhà nước của ngành và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định: 0,5</i> <i>Cung cấp, cập nhật dưới 90% thông tin về quản lý nhà nước của ngành và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định: 0</i>	1						
7.3	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	4						
7.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 <i>Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 2</i> <i>Từ 20% - dưới 40% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left(\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 2}{40}\right)$</i> <i>Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0</i>	2						
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4 <i>Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 2</i> <i>Từ 10% - dưới 30% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left(\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 2}{30}\right)$</i> <i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0</i>	2						
7.4	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008	3						
7.4.1	Tỷ lệ cơ quan hành chính trực thuộc đơn vị đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng ISO <i>100% số cơ quan: 1</i> <i>Dưới 100% số cơ quan: 0</i>	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá					Ghi chú
			Tự đánh giá	Bộ đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	Chi số	
7.4.2	Tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng ISO theo quy định <i>100% số cơ quan: 0,5</i> <i>Dưới 100% số cơ quan: 0</i>	0,5						
7.4.3	Tỷ lệ TTHC đã công bố được đưa vào quy trình ISO <i>100% số TTHC: 1</i> <i>Dưới 100% số TTHC: 0</i>	1						
7.4.4	Báo cáo thực hiện áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO vào hoạt động của đơn vị <i>Thực hiện đúng quy định: 0,5</i> <i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>	0,5						
8	CÁC TIÊU CHÍ ĐIỂM THƯỜNG	1						
8.1	Báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC	0,5						
8.1.1	Báo cáo kết quả tự chấm điểm Chỉ số CCHC của đơn vị <i>Đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định: 0,25</i> <i>Không đầy đủ nội dung hoặc không đúng thời gian quy định: 0</i>	0,25						
8.1.2	Kết quả tự chấm điểm Chỉ số CCHC của đơn vị <i>Điểm tự chấm sai số không quá 5% so với kết quả thẩm định: 0,25</i> <i>Điểm tự chấm sai số trên 5% so với kết quả thẩm định: 0</i>	0,25						
8.2	Sáng kiến, đổi mới phương pháp, cách thức tổ chức, triển khai các hoạt động CCHC <i>Có sáng kiến: 0,5</i> <i>Không có sáng kiến: 0</i>	0,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá					Ghi chú
			Tự đánh giá	Bộ đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	Chi số	
II	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CCHC	15						
1	Tác động đến công tác chỉ đạo, điều hành	4,5						
1.1	Đánh giá về chất lượng của các văn bản chỉ đạo, điều hành của các tổng cục, cục	0,5						Điều tra xã hội học
1.2	Đánh giá về tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành của các tổng cục, cục	0,5						Điều tra xã hội học
1.3	Đánh giá về mức độ kịp thời trong việc tham mưu, đề xuất của các tổng cục, cục với Bộ về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý của tổng cục, cục	0,5						Điều tra xã hội học
1.4	Đánh giá về mức độ hiệu quả của các tham mưu, đề xuất của các tổng cục, cục với Bộ về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý của tổng cục, cục	0,5						Điều tra xã hội học
1.5	Đánh giá về mức độ kịp thời khi xử lý, giải quyết công việc của các tổng cục, cục theo yêu cầu của Bộ (như việc trả lời văn bản, việc thực hiện báo cáo, việc phối hợp giải quyết công việc...)	1						Điều tra xã hội học
1.6	Đánh giá về chất lượng các văn bản phúc đáp của các tổng cục, cục theo yêu cầu của Bộ (như mức độ đầy đủ, chính xác của các công văn, báo cáo, hướng dẫn...)	1						Điều tra xã hội học
1.7	Đánh giá về việc bố trí nguồn lực (con người, tài chính) để thực hiện các nhiệm vụ CCHC của các tổng cục, cục	0,5						Điều tra xã hội học
2	Tác động đến chất lượng quy định thủ tục hành chính	3						
2.1	Đánh giá về mức độ rõ ràng, dễ hiểu của các quy định hồ sơ, trình tự thực hiện thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các tổng cục, cục	1						Điều tra xã hội học
2.2	Đánh giá về mức độ đơn giản, dễ thực hiện đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các tổng cục, cục	1						Điều tra xã hội học

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá					Ghi chú
			Tự đánh giá	Bộ đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	Chỉ số	
2.3	Đánh giá về tính hợp lý của các quy định hồ sơ, trình tự thực hiện thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các tổng cục, cục	1						Điều tra xã hội học
3	Tác động đến chất lượng đội ngũ công chức	4						
3.1	Đánh giá về thái độ phục vụ của công chức	1						Điều tra xã hội học
3.2	Đánh giá về tinh thần trách nhiệm của công chức	1						Điều tra xã hội học
3.3	Đánh giá về năng lực giải quyết công việc của công chức	1						Điều tra xã hội học
3.4	Đánh giá về việc chấp hành nội quy, quy chế làm việc, kỷ luật, kỷ cương của công chức	1						Điều tra xã hội học
4	Tác động đến hiện đại hóa hành chính	3,5						
4.1	Đánh giá về mức độ dễ dàng khi muốn tìm kiếm thông tin trên Trang thông tin điện tử của các tổng cục, cục	1						Điều tra xã hội học
4.2	Đánh giá về mức độ đầy đủ của thông tin trên Trang thông tin điện tử của các tổng cục, cục	1						Điều tra xã hội học
4.3	Đánh giá về tốc độ truyền tải dữ liệu khi truy cập, khai thác thông tin trên Trang thông tin điện tử của các tổng cục, cục	0,5						Điều tra xã hội học
4.4	Đánh giá về mức độ ứng dụng các phần mềm của Bộ khi xử lý, giải quyết công việc trên môi trường mạng của các tổng cục, cục (hồ sơ công việc, chữ ký số, hệ thống quản lý thông tin công chức, viên chức...)	1						Điều tra xã hội học
	TỔNG CỘNG (I + II)	100						